TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1468/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên họp: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4759/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Makspringer K, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 14941 Jefferson ST., MIDWAY, CA 92655, USA.

2. Bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 127/36/11 đường TA13, phường TA, Quận X, Thành phố H.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 26/4/2019, người yêu cầu là ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T trình bày yêu cầu về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung sau khi ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H ngày 27/5/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 1498, quyển số 08, ngày 19/6/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, tuy nhiên do khoảng cách địa lý, ông Makspringer K sinh sống tại nước Hoa Kỳ (USA), bà Ngô Thị Thanh T sinh sống tại Việt Nam nên dần dần hai bên liên lạc qua lại ít đi, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó ông Makspringer K ít về Việt

Nam chung sống với bà Ngô Thị Thanh T. Khoảng hơn một năm nay, hai bên đã chấm dứt không còn giữ quan hệ vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên trình bày không có.

- Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên trình bày không có.

Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, ông Makspringer K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Ngô Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đối với ông Makspringer K.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến đề nghị:

Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Tòa án cần khắc phục thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu của các đương sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà Ngô Thị Thanh T đang cư trú tại Thành phố H, ông Makspringer K cư trú tại nước ngoài (Hoa Kỳ) nên đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điểm a Khoản 2 Điều 38 và Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt của người yêu cầu ông Makspringer K tại phiên họp:

Ông Makspringer K có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình xem xét giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành phiên họp xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vắng mặt ông Makspringer K.

[3] Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu là ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 1498, quyển số 08, ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với lý do mặc dù là vợ chồng nhưng điều kiện sinh sống mỗi người mỗi nơi, không thường xuyên chung sống với nhau, hơn một năm nay hai bên không còn liên lạc và đã chấm dứt không còn giữ quan hệ vợ chồng. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T theo quy định tại Điều 19, Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Hai bên trình bày không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có nên không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên trình bày không có nên không xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên họp; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí:

Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điểm a Khoản 2 Điều 38, Điểm h Khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 396 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Makspringer K và bà Ngô Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0025717 ngày 20/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Ngô Thị Thanh T có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày 23/10/2019. Đối với ông Makspringer K vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TADN Tối cao;
- TADN Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức